SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379 ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01481.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC MỘT NGÀN
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Nhơn Thuận A, xã Tân Hòa, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (Tại trạm)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 01/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 10/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,61	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	1,60	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01482.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC MỘT NGÀN
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Nhơn Thuận A, xã Tân Hòa, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (ấp Xáng Mới, xã Thạnh Xuân)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 01/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 10/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	< 0,003	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	1,28	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01483.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC MỘT NGÀN
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Nhơn Thuận A, xã Tân Hòa, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (ấp 4A, xã Tân Hòa)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 01/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 1/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	< 0,003	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,3	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	1,28	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; qlcl.ttksbttpct@gmail.com

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01488.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC VỊ THANH
2. Địa chỉ/ *Address* : 46A Ngô Quốc Trị, phường Vị Tân, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (tại nhà máy)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 01/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 10/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,87	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	1,44	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01489.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC VỊ THANH
2. Địa chỉ/ *Address* : 46A Ngô Quốc Trị, phường Vị Tân, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (95/2 Võ văn Kiệt, p Vị Tân)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 01/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 10/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	1,76	TCVN 6186:1996	2

CDC CẦN THƠ

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
☎ 02923 822351; ✉ *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01490.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC VỊ THANH
2. Địa chỉ/ *Address* : 46A Ngô Quốc Trị, phường Vị Tân, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (59 Hải Thượng Lãn Ông, p Vị Tân)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 01/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 10/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,3	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,96	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01492.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC LƯƠNG TÂM
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp 3, xã Lương Tâm, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (Tại Trạm)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250mml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 02/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 11/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,81	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,48	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
☎ 02923 822351; ✉ *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01493.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC LƯƠNG TÂM
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp 3, xã Lương Tâm, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (Hộ Nguyễn Văn Co, ấp 3 xã Lương Tâm)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250mml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 02/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 11/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,64	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thi Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Võ Quang Hà

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; qlcl.ttksbttpct@gmail.com

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01494.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC LƯƠNG TÂM
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp 3, xã Lương Tâm, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (Lê Văn Tây, ấp 4 xã Lương Tâm)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250mml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 02/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 11/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,3	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,32	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Võ Quang Hà

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01497.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC LONG MỸ
2. Địa chỉ/ *Address* : 33 KV 2, phường Long Mỹ, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (tại nhà máy)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 02/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 11/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,77	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	1,12	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; qlcl.ttksbttpct@gmail.com

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01498.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC LONG MỸ
2. Địa chỉ/ *Address* : 33 KV 2, phường Long Mỹ, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (315 Phạm Văn Nhờ)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 02/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 11/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,96	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thêm

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; qlcl.ttksbttpct@gmail.com

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01517.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC ĐÔNG PHÚ
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Phú Nhơn, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (tại trạm)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 04/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 15/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	< 0,003	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,74	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,64	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Võ Quang Hà

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; qlcl.ttksbttpct@gmail.com

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379 ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01518.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC ĐÔNG PHÚ
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Phú Nhơn, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (Hộ Trần Thị Vàng, khu TĐC Phú Hưng)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 04/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 15/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	< 0,003	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,48	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Võ Quang Hà

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; qlcl.ttksbttpct@gmail.com

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379 ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01519.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC ĐÔNG PHÚ
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Phú Nhơn, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (Hộ Lê Thị Kiều Chinh, ấp Phú Nhơn)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 04/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 15/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	< 0,003	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,3	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,64	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Võ Quang Hà

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01520.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC NGÃ SÁU
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Thuận Hưng, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (tại trạm)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 04/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 15/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	1,0	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,80	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01521.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC NGÃ SÁU
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Thuận Hưng, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (Hộ Đinh Hồng Hiệp, ấp Phú Thuận)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 04/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 15/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,6	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,96	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; qlcl.ttksbttpct@gmail.com

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01522.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC NGÃ SÁU
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Thuận Hưng, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (Hộ Lương Thị Răn, ấp Phú Thuận, xã Châu Thành)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 04/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 15/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,64	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; qlcl.ttksbttpct@gmail.com

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379 ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01532.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC TÂN PHƯỚC HƯNG
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Tân Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (tại trạm)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 08/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 18/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/250mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,75	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	1,92	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; qlcl.ttksbttpct@gmail.com

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379 ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01533.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC TÂN PHƯỚC HƯNG
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Tân Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (ấp Mỹ Hưng, xã Hiệp Hưng)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 08/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 18/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	1,60	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379 ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01534.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC CÂY DƯƠNG
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Mỹ Quới, xã Hiệp Hưng, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (tại trạm)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 08/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 18/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,72	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	1,44	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; qlcl.ttksbttpct@gmail.com

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379 ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01535.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC CÂY DƯƠNG
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Mỹ Quới, xã Hiệp Hưng, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (ấp Mỹ Quới, xã Hiệp Hưng)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 08/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 18/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	1,12	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; qlcl.ttksbttpct@gmail.com

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379 ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01536.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC CÂY DƯƠNG
2. Địa chỉ/ *Address* : ấp Mỹ Quới, xã Hiệp Hưng, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (ấp Mỹ Lợi, xã Hiệp Hưng)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 08/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 18/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,3	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	1,44	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Võ Quang Hà

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; qlcl.ttksbttpct@gmail.com

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379 ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01538.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC NGÃ BẢY
2. Địa chỉ/ *Address* : 72 Nguyễn Minh Quang, kv6, p. Ngã Bảy, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (tại trạm)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 08/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 18/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	< 0,003	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,73	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	1,60	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Võ Quang Hà

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01539.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC NGÃ BẢY
2. Địa chỉ/ *Address* : 72 Nguyễn Minh Quang, kv6, p. Ngã Bảy, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (90 Lê Hồng Phong, p Ngã Bảy)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 08/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 18/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	0,96	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Võ Quang Hà

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; qlcl.ttksbttpct@gmail.com

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379 ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01540.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC NGÃ BẢY
2. Địa chỉ/ *Address* : 72 Nguyễn Minh Quang, kv6, p. Ngã Bảy, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (148 KV Mái Dầm, p Đại Thành)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 08/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 18/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,3	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	1,12	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Võ Quang Hà

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; qlcl.ttksbttpct@gmail.com

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01548.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC TÂN BÌNH
2. Địa chỉ/ *Address* : Cầu Xáng, ấp Tân Long, xã Tân Bình, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (tại trạm)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 09/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 19/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,71	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	1,92	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Võ Quang Hà

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
☎ 02923 822351; ✉ *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01549.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC TÂN BÌNH
2. Địa chỉ/ *Address* : Cầu Xáng, ấp Tân Long, xã Tân Bình, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (16 ấp Sáu Chùa, xã Hòa An)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 09/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 19/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	1,60	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Võ Quang Hà

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code:
01550.26

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC TÂN BÌNH
2. Địa chỉ/ *Address* : Cầu Xáng, ấp Tân Long, xã Tân Bình, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH (151/83 ấp Thạnh Mỹ C, xã Tân Bình)**
4. Số lượng/ *Quatity* :1 chai x 1500ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 09/06/2026 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 19/6/2026

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*Escherichia coli (*)*	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
4	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
5	Clo dư tự do	mg/L	0,3	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Permanganat (*)	mg/L	1,76	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Võ Quang Hà

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 119/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 01.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại trạm)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)
4. Ngày nhận mẫu: 01/06/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 01/06-15/06/2026
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Một Ngàn
7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép(1)	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,99
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	6,88
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,15

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**GIÁM ĐỐC**
VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017	M.S.D.N: 6300358939 - C.T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG P. VỊ TÂN - TP. CẦN THƠ
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 120/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 02.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Ấp Xáng Mới, Xã Thạnh Xuân)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)
4. Ngày nhận mẫu: 01/06/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 01/06-15/06/2026
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Một Ngàn
7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,90
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	6,77
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,14

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**KT. GIÁM ĐỐC**
VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 121/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 03.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Ấp 4A, Xã Tân Hòa)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 01/06/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 01/06-15/06/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Một Ngàn

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,77
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	6,66
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,13

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN

VLAT 1.0236
ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 122/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 04.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại Nhà máy)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 01/06/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 01/06-15/06/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Nhà máy nước Vị Thanh

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,31
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,45
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,11

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**GIÁM ĐỐC**
VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 123/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 05.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (95/2 Võ Văn Kiệt, Phường Vị Tân)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)
4. Ngày nhận mẫu: 01/06/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 01/06-15/06/2026
6. Đơn vị gửi mẫu: Nhà máy nước Vị Thanh
7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép(1)	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,33
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	6,55
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,11

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**KT. GIÁM ĐỐC**
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 124/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 06.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (59 Hải Thượng Lãn Ông)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 01/06/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 01/06-15/06/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Nhà máy nước Vị Thanh

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,44
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,2
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	2,32
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,11

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN

VLAT 1.0236
ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

KT. GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 125/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 07.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại trạm)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 02/06/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 02/06-15/06/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Lương Tâm

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,34
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,57
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,64

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 126/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 08.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ Nguyễn Văn Co, Ấp 3, Xã Lương Tâm)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)
4. Ngày nhận mẫu: 02/06/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 02/06-15/06/2026
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Lương Tâm
7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,49
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,65
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,69

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**GIÁM ĐỐC**
VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 127/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 09.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ Lê Văn Tây, Ấp 4, Xã Lương Tâm)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 02/06/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 02/06-15/06/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Lương Tâm

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[1]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,14
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,77
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,70

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

[1]: theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 6300356590 - C.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG P. VỊ TÂN - TP. CẦN THƠ

Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 128/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 10.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Vòi sử dụng tại Nhà máy)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)
4. Ngày nhận mẫu: 02/06/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 02/06-15/06/2026
6. Đơn vị gửi mẫu: Nhà máy nước Long Mỹ
7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép(1)	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,72
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,11
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,17

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN

VLAT 1.0236
ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 129/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 11.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (315 Phạm Văn Nhờ)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)
4. Ngày nhận mẫu: 02/06/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 02/06-15/06/2026
6. Đơn vị gửi mẫu: Nhà máy nước Long Mỹ
7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép(1)	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,66
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	6,86
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	5,55
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,14

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN

VLAT 1.0236
ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 6300356590 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG - P. VỊ TÂN - TP. CẦN THƠ

Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 130/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 12.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại Trạm)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)
4. Ngày nhận mẫu: 04/06/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 04/06-15/06/2026
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Đông Phú
7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép(1)	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,18
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,31
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,06

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**GIÁM ĐỐC**
ilac-MRA AOSC VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 131/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 13.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ Trần Thị Vàng, Khu TĐC Phú Hưng)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)
4. Ngày nhận mẫu: 04/06/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 04/06-15/06/2026
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Đông Phú
7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,72
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,59
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,23

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN

VLAT 1.0236
ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

KT. GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 6300334390 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG - P. VỊ TÂN - TP. CẦN THƠ

Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 132/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 14.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ Lê Thị Kiều Chinh, Ấp Phú Nhơn)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 04/06/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 04/06-15/06/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Đông Phú

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép(1)	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,29
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,35
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,13

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 6300356390 - C.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG P. VỊ TÂN - TP. CẦN THƠ

Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 133/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 15.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại trạm)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 04/06/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 04/06-15/06/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Ngã Sáu

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[1]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,46
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,86
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	2,32
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,11

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

[1]: theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

P. GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 6300356590 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG - P. VỊ TÂN - TP. CẦN THƠ

Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 134/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 16.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ Đinh Hồng Hiệp, Ấp Phú Thuận)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 04/06/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 04/06-15/06/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Ngã Sáu

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[1]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,22
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,29
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,17

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

[1]: theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

P. GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 6300356520 - C.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG P. VỊ TÂN - TP. CẦN THƠ

Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 135/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 17.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ Lương Thị Răn, Ấp Phú Thuận)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)
4. Ngày nhận mẫu: 04/06/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 04/06-15/06/2026
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Ngã Sáu
7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép(1)	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,25
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,24
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	2,32
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,09

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN

VLAT 1.0236
ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 6300356590 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG - P. VỊ TÂN - TP. CẦN THƠ

Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 136/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 18.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại trạm)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 08/06/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 08/06-15/06/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Tân Phước Hưng

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép(1)	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,36
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,11
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	2,32
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,10

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

P. GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 6300356590 - C.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG P. VỊ TÂN - TP. CẦN THƠ

Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 137/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 19.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Ấp Mỹ Hưng, Xã Hiệp Hưng)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 08/06/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 08/06-15/06/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Tân Phước Hưng

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép(1)	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,46
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,94
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,10

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**KT. GIÁM ĐỐC**
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 138/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 20.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại trạm)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)
4. Ngày nhận mẫu: 08/06/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 08/06-15/06/2026
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Cây Dương
7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép(1)	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,85
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	6,97
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,09

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**KT. GIÁM ĐỐC**
ilac-MRA AOSC VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017	M.S.D.N: 6300356590 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG P. VỊ TÂN - TP. CẦN THƠ
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 139/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 21.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Ấp Mỹ Quới, Xã Hiệp Hưng)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 08/06/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 08/06-15/06/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Cây Dương

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép(1)	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,70
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,21
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	2,32
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,16

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 6300338390 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG - P. VỊ TÂN - TP. CẦN THƠ

Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 140/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 22.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Ấp Mỹ Lợi, Xã Hiệp Hưng)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 08/06/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 08/06-15/06/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Cây Dương

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép(1)	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,76
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	6,92
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,18

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 6300356590 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG - P. VỊ TÂN - TP. CẦN THƠ

Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 141/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 23.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại nhà máy)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)
4. Ngày nhận mẫu: 08/06/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 08/06-15/06/2026
6. Đơn vị gửi mẫu: Nhà máy nước Ngã Bảy
7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép(1)	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,40
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,15
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,45

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN	**GIÁM ĐỐC**
Lê Quang Lộc	Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 142/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 24.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (90 Lê Hồng Phong, Phường Ngã Bảy)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 08/06/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 08/06-15/06/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Nhà máy nước Ngã Bảy

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép(1)	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,38
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,13
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	3,93
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,45

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 6300356590 - C.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG P. VỊ TÂN - TP. CẦN THƠ

Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 143/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 25.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (148 Khu vực Mái Dầm, Phường Đại Thành)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)
4. Ngày nhận mẫu: 08/06/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 08/06-15/06/2026
6. Đơn vị gửi mẫu: Nhà máy nước Ngã Bảy
7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,21
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,19
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,11

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

KT. GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 144/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 26.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại Trạm)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 09/06/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 09/06-15/06/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm Cấp nước Tân Bình

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép[(1)]	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,64
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	6,55
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	5,55
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,26

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

KT. GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 6300356590 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG P. VỊ TÂN - TP. CẦN THƠ

Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 145/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 27.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (16 Ấp Sáu Chùa, Xã Hòa An)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 09/06/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 09/06-15/06/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm Cấp nước Tân Bình

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép(1)	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,97
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	6,57
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	5,55
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,26

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Lê Thanh Đấu

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 146/PTN/0626	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Mã hiệu mẫu: 28.06.26

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (151/83 Ấp Thạnh Mỹ C, Xã Tân Bình)

2. Số lượng mẫu: 01 mẫu

3: Mô tả mẫu: Được chứa trong chai Thủy tinh (250mL)

4. Ngày nhận mẫu: 09/06/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 09/06-15/06/2026

6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm Cấp nước Tân Bình

7. Lưu mẫu: ☐ có ☑ không Đến ngày:

8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép(1)	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,95
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	6,85
3	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	3,93
4	Amoni ($N\_NH_4^+$)*	mg/l	Hach Method 8038	≤ 1	-	0,26

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01-1:2024/BYT

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận được tại Phòng Thí nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHỤ TRÁCH PTN

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0236 ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 6300356590 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG P. VỊ TÂN - TP. CẦN THƠ

Lê Thanh Đấu